

**Biểu I**  
**BIỂU THỐNG KÊ SỐ LIỆU BÁO CÁO CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH**

*(Kèm theo Báo cáo số 86/BC-UBND, ngày 22 tháng 5 năm 2023 của UBND xã Vạn Linh)*

STT	Chỉ tiêu thống kê	Kết quả thống kê		Ghi chú
	<i>(Sử dụng trong kỳ báo cáo hàng quý, 6 tháng, năm)</i>	Đơn vị tính	Số liệu	
<b>I</b>	<b>Công tác chỉ đạo điều hành CCHC</b>			
<b>1</b>	<b>Số văn bản chỉ đạo CCHC đã ban hành</b> <i>(Kết luận, chỉ thị, công văn chỉ đạo, quán triệt)</i>	<b>Văn bản</b>	<b>4</b>	
<b>2</b>	<b>Tỷ lệ hoàn thành Kế hoạch CCHC năm</b> <i>(Lũy kể đến thời điểm báo cáo)</i>	<b>%</b>	<b>52</b>	
2.1	Số nhiệm vụ đề ra trong kế hoạch	Nhiệm vụ	33	
2.2	Số nhiệm vụ đã hoàn thành	Nhiệm vụ	17	
<b>3</b>	<b>Kiểm tra CCHC, Kỷ luật kỷ cương hành chính</b>			
3.1	Phòng ban chuyên môn tự kiểm tra	lượt		
3.2	UBND cấp xã tự kiểm tra	lượt	1	
3.3	Tỷ lệ xử lý các vấn đề phát hiện qua kiểm tra	%	100	
3.3.1	Số vấn đề phát hiện qua kiểm tra	Vấn đề	4	
3.3.2	Số vấn đề phát hiện đã xử lý xong	Vấn đề	4	
<b>4</b>	<b>Thực hiện nhiệm vụ UBND/Chủ tịch UBND huyện giao</b>			
4.1	Tổng số nhiệm vụ được giao	Nhiệm vụ		
4.2	Số nhiệm vụ đã hoàn thành đúng hạn	Nhiệm vụ		
4.3	Số nhiệm vụ đã hoàn thành nhưng quá hạn	Nhiệm vụ		
4.4	Số nhiệm vụ quá hạn nhưng chưa hoàn thành	Nhiệm vụ		
<b>5</b>	<b>Tổ chức đối thoại của lãnh đạo với người dân</b>	Số lần	0	

<b>II</b>	<b>Cải cách thể chế</b>		0	
<b>1</b>	<b>Tổng số Văn bản quy phạm pháp luật ban hành/tham mưu ban hành</b>	Văn bản	<b>0</b>	
1.1	Số VBQPPL tham mưu cho UBND huyện ban hành	Văn bản	0	
1.2	Số VBQPPL do HĐND, UBND cấp xã ban hành	Văn bản	0	
<b>2</b>	<b>Kiểm tra, xử lý VBQPPL</b>		<b>0</b>	
2.1	Số VBQPPL đã kiểm tra theo thẩm quyền	Văn bản	0	
2.2	Tỷ lệ xử lý VBQPPL sau kiểm tra	%	0	
2.2.1	Tổng số VBQPPL cần phải xử lý sau kiểm tra	Văn bản	0	
2.2.2	Số VBQPPL có kiến nghị xử lý đã được xử lý xong	Văn bản	0	
<b>3</b>	<b>Rà soát VBQPPL</b>		<b>0</b>	
3.1	Số VBQPPL đã rà soát thuộc thẩm quyền	Văn bản	0	
3.2	Tỷ lệ xử lý VBQPPL sau rà soát	%	0	
3.2.1	Tổng số VBQPPL cần phải xử lý sau rà soát	Văn bản	0	
3.2.2	Số VBQPPL có kiến nghị xử lý đã được xử lý xong	Văn bản	0	
<b>III</b>	<b>Cải cách thủ tục hành chính</b>			
<b>1</b>	<b>Thống kê TTHC</b>			
1.1	Số TTHC đã được phê duyệt phương án đơn giản hóa	Thủ tục		
1.2	Số TTHC công bố mới	Thủ tục		
1.3	Số TTHC bãi bỏ, thay thế	Thủ tục		
1.4	Tổng số TTHC thuộc phạm vi quản lý, giải quyết	Thủ tục		
1.4.1	Số TTHC của phòng chuyên môn	Thủ tục		

1.4.2	Số TTHC của xã, thị trấn	Thủ tục	120	
<b>2</b>	<b>Thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông</b>		<b>0</b>	
2.1	Số TTHC liên thông cùng cấp	Thủ tục		
2.2	Số TTHC liên thông giữa các cấp chính quyền	Thủ tục		
2.3	Số TTHC đã thực hiện tiếp nhận và giải quyết hồ sơ không phụ thuộc vào địa giới hành chính.	Thủ tục		
<b>3</b>	<b>Kết quả giải quyết TTHC</b>			
3.1	Tỷ lệ hồ sơ TTHC do Phòng ban chuyên môn tiếp nhận, giải quyết	%		
3.1.1	Tổng số hồ sơ TTHC đã giải quyết xong	Hồ sơ		
3.1.2	Số hồ sơ TTHC giải quyết đúng hạn	Hồ sơ		
3.2	Tỷ lệ hồ sơ TTHC do UBND cấp xã tiếp nhận, giải quyết	%	100%	
3.2.1	Tổng số hồ sơ TTHC đã giải quyết xong	Hồ sơ	440	
3.2.2	Số hồ sơ TTHC giải quyết đúng hạn	Hồ sơ	440	
3.4	Tỷ lệ giải quyết phản ánh, kiến nghị (PAKN) về quy định TTHC	%	0	
3.4.1	Tổng số PAKN đã tiếp nhận (trực tiếp hoặc do cơ quan có thẩm quyền chuyển đến)	PAKN	0	
3.4.2	Số PAKN đã giải quyết xong	PAKN	0	
<b>IV</b>	<b>Cải cách tổ chức bộ máy</b>			
1	Tổng số biên chế được giao trong năm	Người	20	
2	Tổng số biên chế có mặt tại thời điểm báo cáo	Người	20	
3	Số hợp đồng lao động làm việc tại các cơ quan, tổ chức hành chính	Người		
4	Số biên chế đã tinh giản trong kỳ báo cáo	Người		
5	Tỷ lệ phần trăm biên chế đã tinh giản so với năm 2015	%		

<b>V</b>	<b>Cải cách chế độ công vụ</b>			
<b>1</b>	<b>Số lượng lãnh đạo quản lý được bầu/ bổ nhiệm (Lũy kế từ đầu năm)</b>	Người		
1.1	Lãnh đạo cấp phòng			
1.2	Lãnh đạo đơn vị sự nghiệp			
<b>2</b>	<b>Số lượng cán bộ, công chức, viên chức bị kỷ luật (cả về Đảng và chính quyền).</b>			
2.1	Số lãnh đạo cấp phòng thuộc UBND cấp huyện bị kỷ luật.	Người	0	
2.2	Số người làm việc hưởng lương từ NSNN tại các đơn vị SNCL bị kỷ luật.	Người		<i>Áp dụng đối với đơn vị sự nghiệp.</i>
<b>3</b>	<b>Cán bộ, công chức cấp xã</b>			
3.1	Tổng số cán bộ cấp xã	người	10	
3.2	Số cán bộ cấp xã đạt chuẩn về chuyên môn, nghiệp vụ	người	10	
3.3	Tổng số công chức cấp xã	người	10	
3.4	Số công chức cấp xã đạt chuẩn về chuyên môn, nghiệp vụ	người	9	
<b>VI</b>	<b>Cải cách tài chính công</b>			
<b>1</b>	<b>Tỷ lệ thực hiện Kế hoạch giải ngân vốn đầu tư công</b>	%		
1.1	Kế hoạch được giao	Triệu đồng		
1.2	Đã thực hiện	Triệu đồng		
<b>2</b>	<b>Thực hiện tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp (ĐVSN) (lũy kế đến thời điểm báo cáo)</b>			
2.1	Tổng số ĐVSN công lập trực thuộc	Đơn vị		
2.2	Số ĐVSN tự bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư	Đơn vị		
2.3	Số ĐVSN tự bảo đảm chi thường xuyên	Đơn vị		
2.4	Số ĐVSN tự bảo đảm một phần chi thường xuyên	Đơn vị		

2.4.1	Số ĐVSN tự bảo đảm từ 70% - dưới 100% chi thường xuyên	Đơn vị		
2.4.2	Số ĐVSN tự bảo đảm từ 30% - dưới 70% chi thường xuyên	Đơn vị		
2.4.3	Số ĐVSN tự bảo đảm từ 10% - dưới 30% chi thường xuyên	Đơn vị		
2.5	Số ĐVSN do Nhà nước bảo đảm chi thường xuyên	Đơn vị		
2.6	Số lượng ĐVSN đã chuyển đổi thành công ty cổ phần (lũy kế đến thời điểm báo cáo)	Đơn vị		
<b>VII</b>	<b>Xây dựng và phát triển Chính quyền điện tử, Chính quyền số</b>			
<b>1</b>	<b>Tỷ lệ sử dụng văn bản điện tử</b> (Chỉ thống kê tỷ lệ văn bản được gửi hoàn toàn dưới dạng điện tử; sử dụng chữ ký số, chứng thư số và gửi trên môi trường điện tử).	%	91	
1.1	Tỷ lệ sử dụng văn bản điện tử của các phòng ban chuyên môn, đơn vị sự nghiệp thuộc UBND huyện	%		
1.3	Tỷ lệ sử dụng văn bản điện tử của UBND cấp xã	%	91	
<b>2.</b>	<b>Cung cấp dịch vụ công trực tuyến</b>			
2.1	Tỷ lệ TTHC đủ điều kiện được cung cấp trực tuyến mức độ 3	%		
2.1.1	Tổng số TTHC đủ điều kiện cung cấp trực tuyến mức độ 3	Thủ tục		
2.1.2	Số TTHC đang cung cấp trực tuyến mức độ 3	Thủ tục		
2.1.3	Số TTHC đang cung cấp trực tuyến mức độ 3 có phát sinh hồ sơ nộp trực tuyến	Thủ tục		
2.2	Tỷ lệ TTHC đủ điều kiện được cung cấp trực tuyến mức độ 4	%		
2.2.1	Tổng số TTHC đủ điều kiện cung cấp trực tuyến mức độ 4	Thủ tục		
2.2.2	Số TTHC đang cung cấp trực tuyến mức độ 4	Thủ tục		
2.2.3	Số TTHC đang cung cấp trực tuyến mức độ 4 có phát sinh hồ sơ nộp trực tuyến	Thủ tục		
2.3	Tỷ lệ TTHC cung cấp trực tuyến mức độ 3 và 4 đã tích hợp, công khai trên Cổng DVC quốc gia của các phòng ban chuyên môn, UBND cấp xã	%		
2.3.1	Tổng số TTHC đang cung cấp trực tuyến mức độ 3 và 4	Thủ tục		
2.3.2	Số TTHC cung cấp trực tuyến mức độ 3 và 4 đã tích hợp, công khai trên Cổng DVC quốc gia	Thủ tục		

2.4	Tỷ lệ hồ sơ TTHC được tiếp nhận trực tuyến mức độ 3 và 4 (Chỉ thống kê đối với các TTHC mức độ 3 và 4 có phát sinh hồ sơ)	%	100	
2.4.1	Tổng số hồ sơ TTHC đã tiếp nhận (cả trực tiếp và trực tuyến)	Hồ sơ	441	
2.4.2	Số hồ sơ TTHC đã tiếp nhận trực tuyến	Hồ sơ	441	
2.5	Tỷ lệ TTHC được tích hợp, triển khai thanh toán trực tuyến	%		
2.5.1	Tổng số TTHC có yêu cầu nghĩa vụ tài chính (tất cả các TTHC có phát sinh phí, lệ phí,...)	Thủ tục		
2.5.2	Số TTHC đã được tích hợp, triển khai thanh toán trực tuyến trên Cổng DVC quốc gia hoặc trên Cổng DVC của tỉnh.	Thủ tục		
<b>3</b>	<b>Cung cấp dịch vụ Bru chính công ích (BCCI)</b>		1	
3.1	Số TTHC đang cung cấp qua dịch vụ BCCI	Thủ tục	1	
3.2	Số TTHC được cung cấp qua dịch vụ BCCI phát sinh hồ sơ tiếp nhận hoặc trả kết quả qua dịch vụ BCCI	Thủ tục	0	
3.3	Hồ sơ tiếp nhận/trả kết quả qua dịch vụ BCCI	Hồ sơ	0	
3.3.1	Hồ sơ tiếp nhận qua dịch vụ BCCI	Hồ sơ	0	
3.3.2	Hồ sơ trả kết quả qua dịch vụ BCCI	Hồ sơ	0	

**BIỂU THỐNG KÊ SỐ LIỆU BÁO CÁO LĨNH VỰC CẢI CÁCH THỂ CHẾ****Biểu II****(Áp dụng cho Phòng Tư pháp)**

(Kèm theo Công văn số: /UBND-NV ngày tháng 5 năm 2022 của Ủy ban nhân dân huyện Chi Lăng)

STT	Chỉ tiêu thống kê	Kết quả thống kê		Ghi chú
	(Sử dụng trong kỳ báo cáo hàng quý, 6 tháng, năm)	Đơn vị tính	Số liệu	
<b>I</b>	<b>CÔNG TÁC CHỈ ĐẠO ĐIỀU HÀNH</b>			
<b>1</b>	<b>Số văn bản chỉ đạo liên quan đến cải cách thể chế đã ban hành</b>	Văn bản		
1.1	Văn bản tham mưu cho UBND huyện ban hành	Văn bản		
1.2	Văn bản do cơ quan ban hành	Văn bản		
<b>2</b>	<b>Tỷ lệ hoàn thành Kế hoạch cải cách hành chính huyện năm 2022 (Lũy kế đến thời điểm báo cáo)</b>	%		
2.1	Số nhiệm vụ được phân công trong kế hoạch	Nhiệm vụ		
2.2	Số nhiệm vụ đã hoàn thành	Nhiệm vụ		
<b>II</b>	<b>CẢI CÁCH THỂ CHẾ</b>			
<b>1</b>	<b>Tổng số VBQPPL ban hành</b>	Văn bản		
1.1	Số VBQPPL đã ban hành/tham mưu cho UBND huyện ban hành	Văn bản		
1.2	Số VBQPPL do cấp xã ban hành	Văn bản		
<b>2</b>	<b>Kiểm tra, xử lý VBQPPL</b>			
2.1	Số VBQPPL đã kiểm tra theo thẩm quyền	Văn bản		
2.2	Tỷ lệ xử lý VBQPPL sau kiểm tra	%		
2.3	Tổng số VBQPPL cần phải xử lý sau kiểm tra	Văn bản		
2.4	Số VBQPPL có kiến nghị xử lý đã được xử lý xong	Văn bản		
<b>3</b>	<b>Rà soát VBQPPL</b>			
3.1	Số VBQPPL đã rà soát thuộc thẩm quyền	Văn bản		
3.2	Tỷ lệ xử lý VBQPPL sau rà soát	%		
3.3	Tổng số VBQPPL cần phải xử lý sau rà soát	Văn bản		
3.4	Số VBQPPL có kiến nghị xử lý đã được xử lý xong	Văn bản		

Biểu III

**BIỂU THỐNG KÊ SỐ LIỆU BÁO CÁO LĨNH VỰC CẢI CÁCH THỦ TỤC HÀNH CHÍNH,  
THỰC HIỆN NHIỆM VỤ CHÍNH PHỦ/THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ GIAO**

*(Áp dụng cho Văn phòng HĐND và UBND huyện Chi Lăng)*

*(Kèm theo Công văn số: /UBND-NV ngày tháng 5 năm 2022 của Ủy ban nhân dân huyện Chi Lăng)*

STT	Chỉ tiêu thống kê	Kết quả thống kê		Ghi chú
	<i>(Sử dụng trong kỳ báo cáo hàng quý, 6 tháng, năm)</i>	Đơn vị tính	Số liệu	
<b>1</b>	<b>Thực hiện nhiệm vụ UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh giao</b>			
1.1	Tổng số nhiệm vụ được giao	Nhiệm vụ		
1.2	Số nhiệm vụ đã hoàn thành đúng hạn	Nhiệm vụ		
1.3	Số nhiệm vụ đã hoàn thành nhưng quá hạn	Nhiệm vụ		
1.4	Số nhiệm vụ quá hạn nhưng chưa hoàn thành	Nhiệm vụ		
<b>2</b>	<b>Tỷ lệ hoàn thành Kế hoạch cải cách hành chính huyện năm 2022 (Lũy kế đến thời điểm báo cáo)</b>	%		
2.1	Số nhiệm vụ được phân công trong kế hoạch	Nhiệm vụ		
2.2	Số nhiệm vụ đã hoàn thành	Nhiệm vụ		
<b>4</b>	<b>Số văn bản chỉ đạo về cải cách thủ tục hành chính</b>	Văn bản		
4.1	Văn bản tham mưu cho UBND huyện ban hành	Văn bản		
4.2	Văn bản do cơ quan ban hành	Văn bản		
<b>5</b>	<b>Thống kê TTHC</b>			
5.1	Số TTHC đã được phê duyệt phương án đơn giản hóa	Thủ tục		
5.2	Số TTHC công bố mới	Thủ tục		
5.3	Số TTHC bãi bỏ, thay thế	Thủ tục		
5.4	Tổng số TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết tại địa phương	Thủ tục		
5.4.1	<i>Số TTHC cấp huyện (Bao gồm cả TTHC của cơ quan ngành dọc)</i>	<i>Thủ tục</i>		
5.4.2	<i>Số TTHC cấp xã (Bao gồm cả TTHC của cơ quan ngành dọc)</i>	<i>Thủ tục</i>		



STT	Chỉ tiêu thống kê	Kết quả thống kê		Ghi chú
	(Sử dụng trong kỳ báo cáo hàng quý, 6 tháng, năm)	Đơn vị tính	Số liệu	
<b>6</b>	<b>Thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông</b>			
6.1	Số TTHC liên thông cùng cấp	Thủ tục		
6.2	Số TTHC liên thông giữa các cấp chính quyền	Thủ tục		
6.3	Số TTHC đã thực hiện tiếp nhận và giải quyết hồ sơ không phụ thuộc vào địa giới hành chính.	Thủ tục		
<b>7</b>	<b>Kết quả giải quyết TTHC</b>			
7.1	Tỷ lệ hồ sơ TTHC do UBND cấp huyện tiếp nhận được giải quyết đúng hạn	%		
7.1.1	Tổng số hồ sơ TTHC đã giải quyết xong	Hồ sơ		
7.1.2	Số hồ sơ TTHC giải quyết đúng hạn	Hồ sơ		
7.2	Tỷ lệ hồ sơ TTHC do UBND cấp xã tiếp nhận được giải quyết đúng hạn	%		
7.2.1	Tổng số hồ sơ TTHC đã giải quyết xong	Hồ sơ		
7.2.2	Số hồ sơ TTHC giải quyết đúng hạn	Hồ sơ		
7.4	Tỷ lệ giải quyết phản ánh, kiến nghị (PAKN) về quy định TTHC	%		
7.4.1	Tổng số PAKN đã tiếp nhận (trực tiếp hoặc do cơ quan có thẩm quyền chuyển đến)	PAKN		
7.4.2	Số PAKN đã giải quyết xong	PAKN		
<b>8</b>	<b>Cung cấp dịch vụ công trực tuyến</b>			
8.1	Tỷ lệ TTHC đủ điều kiện được cung cấp trực tuyến mức độ 3	%		
8.1.1	Tổng số TTHC đủ điều kiện cung cấp trực tuyến mức độ 3	Thủ tục		
8.1.2	Số TTHC đang cung cấp trực tuyến mức độ 3	Thủ tục		
8.1.3	Số TTHC đang cung cấp trực tuyến mức độ 3 có phát sinh hồ sơ nộp trực tuyến	Thủ tục		
8.2	Tỷ lệ TTHC đủ điều kiện được cung cấp trực tuyến mức độ 4	%		
8.2.1	Tổng số TTHC đủ điều kiện cung cấp trực tuyến mức độ 4	Thủ tục		
8.2.2	Số TTHC đang cung cấp trực tuyến mức độ 4	Thủ tục		

STT	Chỉ tiêu thống kê	Kết quả thống kê		Ghi chú
	<i>(Sử dụng trong kỳ báo cáo hàng quý, 6 tháng, năm)</i>	Đơn vị tính	Số liệu	
8.2.3	Số TTHC đang cung cấp trực tuyến mức độ 4 có phát sinh hồ sơ nộp trực tuyến	Thủ tục		
8.3	Tỷ lệ TTHC cung cấp trực tuyến mức độ 3 và 4 đã tích hợp, công khai trên Cổng DVC quốc gia	%		
8.3.1	Tổng số TTHC đang cung cấp trực tuyến mức độ 3 và 4 của địa phương	Thủ tục		
8.3.2	Số TTHC cung cấp trực tuyến mức độ 3 và 4 đã tích hợp, công khai trên Cổng DVC quốc gia	Thủ tục		
8.4	Tỷ lệ hồ sơ TTHC được tiếp nhận trực tuyến mức độ 3 và 4 (Chỉ thống kê đối với các TTHC mức độ 3 và 4 có phát sinh hồ sơ)	%		
8.4.1	Tổng số hồ sơ TTHC đã tiếp nhận (cả trực tiếp và trực tuyến)	Hồ sơ		
8.4.2	Số hồ sơ TTHC đã tiếp nhận trực tuyến	Hồ sơ		
8.5	Tỷ lệ TTHC được tích hợp, triển khai thanh toán trực tuyến	%		
8.5.1	Tổng số TTHC có yêu cầu nghĩa vụ tài chính (tất cả các TTHC có phát sinh phí, lệ phí, ...)	Thủ tục		
8.5.2	Số TTHC đã được tích hợp, triển khai thanh toán trực tuyến trên Cổng DVC quốc gia hoặc trên Cổng DVC của tỉnh.	Thủ tục		
<b>9</b>	<b>Cung cấp dịch vụ Bru chính công ích (BCCI)</b>			
9.1	Số TTHC đang cung cấp qua dịch vụ BCCI	Thủ tục		
9.2	Số TTHC được cung cấp qua dịch vụ BCCI phát sinh hồ sơ tiếp nhận hoặc trả kết quả qua dịch vụ BCCI	Thủ tục		
9.3	Hồ sơ tiếp nhận/trả kết quả qua dịch vụ BCCI	Hồ sơ		
9.3.1	Hồ sơ tiếp nhận qua dịch vụ BCCI	Hồ sơ		
9.3.2	Hồ sơ trả kết quả qua dịch vụ BCCI	Hồ sơ		

**Biểu IV****BIỂU THỐNG KÊ SỐ LIỆU BÁO CÁO LĨNH VỰC CẢI CÁCH TỔ CHỨC BỘ MÁY HÀNH CHÍNH.  
CẢI CÁCH CHẾ ĐỘ CÔNG VỤ VÀ CÔNG TÁC CHỈ ĐẠO, ĐIỀU HÀNH****(Áp dụng cho Phòng Nội vụ)***(Kèm theo Công văn số: /UBND-NV ngày tháng 5 năm 2022 của Ủy ban nhân dân huyện Chi Lăng)*

	Chỉ tiêu thống kê	Kết quả thống kê		Ghi chú
	<i>(Sử dụng trong kỳ báo cáo hàng quý, 6 tháng, năm)</i>	Đơn vị tính	Số liệu	
<b>I</b>	<b>Công tác chỉ đạo điều hành CCHC</b>			
<b>1</b>	<b>Số văn bản chỉ đạo CCHC đã ban hành</b> <i>(Kết luận, chỉ thị, công văn chỉ đạo, quán triệt)</i>	<b>Văn bản</b>		
<b>2</b>	<b>Tỷ lệ hoàn thành Kế hoạch cải cách hành chính huyện năm 2022</b> <i>(Lũy kế đến thời điểm báo cáo)</i>	<b>%</b>		
2.1	Số nhiệm vụ đề ra trong kế hoạch	Nhiệm vụ		
2.2	Số nhiệm vụ đã hoàn thành	Nhiệm vụ		
<b>3</b>	<b>Kiểm tra CCHC</b>			
3.1	Số phòng ban đã kiểm tra	Cơ quan, đơn vị		
3.2	Số UBND cấp xã đã kiểm tra	Cơ quan, đơn vị		
3.3	Tỷ lệ xử lý các vấn đề phát hiện qua kiểm tra	%		
3.3.1	Số vấn đề phát hiện qua kiểm tra	Vấn đề		
3.3.2	Số vấn đề phát hiện đã xử lý xong	Vấn đề		
<b>4</b>	<b>Tổ chức đối thoại của lãnh đạo với người dân, cộng đồng doanh nghiệp</b>	Không = 0		
		Có = 1		

	Chỉ tiêu thống kê	Kết quả thống kê		Ghi chú
	<i>(Sử dụng trong kỳ báo cáo hàng quý, 6 tháng, năm)</i>	Đơn vị tính	Số liệu	
<b>II</b>	<b>Cải cách tổ chức bộ máy</b>			
<b>1</b>	<b>Sắp xếp, kiện toàn tổ chức bộ máy</b>			
1.1	Tỷ lệ phòng chuyên môn đáp ứng các tiêu chí theo quy định	%		
1.2	Số lượng các ban quản lý trực thuộc UBND cấp tỉnh do Sở, ngành tham mưu thành lập	Ban		
1.3	Số tổ chức liên ngành do Sở, ngành tham mưu thành lập	Tổ chức		
1.4	Tổng số đơn vị sự nghiệp công lập (ĐVSNCL)	Cơ quan, đơn vị		
1.4.1	<i>Số ĐVSNCL trực thuộc</i>	<i>Cơ quan, đơn vị</i>		
1.4.2	<i>Tỷ lệ ĐVSNCL đã cắt giảm so với năm 2015</i>	%		
<b>2</b>	<b>Số liệu về biên chế công chức</b>			
2.1	Tổng số biên chế được giao trong năm	Người		
2.2	Tổng số biên chế có mặt tại thời điểm báo cáo	Người		
2.3	Số hợp đồng lao động làm việc tại các cơ quan, tổ chức hành chính	Người		
2.4	Số biên chế đã tinh giản trong kỳ báo cáo	Người		
2.5	Tỷ lệ phần trăm biên chế đã tinh giản so với năm 2015	%		
<b>3</b>	<b>Số người làm việc hưởng lương từ NSNN tại các đơn vị sự nghiệp công lập</b>			

	Chỉ tiêu thống kê	Kết quả thống kê		Ghi chú
	<i>(Sử dụng trong kỳ báo cáo hàng quý, 6 tháng, năm)</i>	Đơn vị tính	Số liệu	
3.1	Tổng số người làm việc được giao	Người		
3.2	Tổng số người làm việc có mặt tại thời điểm báo cáo	Người		
3.3	Số người đã tinh giản trong kỳ báo cáo	Người		
3.4	Tỷ lệ % đã tinh giản so với năm 2015	%		
<b>III</b>	<b>Cải cách chế độ công vụ</b>			
<b>1</b>	<b>Vị trí việc làm của công chức, viên chức</b>			
1.1	Số cơ quan, tổ chức hành chính đã được phê duyệt vị trí việc làm theo quy định	Cơ quan, đơn vị		
1.2	Số đơn vị sự nghiệp đã được phê duyệt vị trí việc làm theo quy định	Cơ quan, đơn vị		
1.3	Số cơ quan, tổ chức có vi phạm trong thực hiện vị trí việc làm phát hiện qua thanh tra	Cơ quan, đơn vị		
<b>2</b>	<b>Tuyển dụng công chức, viên chức</b>			
2.1	Số viên chức được tuyển dụng (thi tuyển, xét tuyển)	Người		
2.2	Số viên chức được tuyển dụng theo trường hợp đặc biệt.	Người		
2.3	Số công chức cấp xã được tuyển dụng (thi tuyển, xét tuyển)	Người		
2.4	Số cán bộ, công chức cấp xã được xét chuyển thành công chức cấp huyện trở lên.	Người		
<b>3</b>	<b>Số lượng lãnh đạo quản lý được bầu/ (Lũy kế từ đầu năm)</b>			
3.1	Lãnh đạo cấp huyện	Người		

	Chỉ tiêu thống kê	Kết quả thống kê		Ghi chú
	<i>(Sử dụng trong kỳ báo cáo hàng quý, 6 tháng, năm)</i>	Đơn vị tính	Số liệu	
3.2	Lãnh đạo cấp phòng	Người		
3.3	Lãnh đạo đơn vị sự nghiệp	Người		
<b>4</b>	<b>Số lượng cán bộ, công chức, viên chức bị kỷ luật</b> <i>(cả về Đảng và chính quyền)</i> .			
4.1	Số lãnh đạo HĐND, UBND cấp huyện bị kỷ luật.	Người		
4.2	Số lãnh đạo cấp phòng và tương đương bị kỷ luật.	Người		
4.3	Số người làm việc hưởng lương từ ngân sách nhà nước tại các đơn vị sự nghiệp công lập bị kỷ luật.	Người		
<b>5</b>	<b>Cán bộ, công chức cấp xã</b>			
5.1	Tổng số cán bộ cấp xã	Người		
5.2	Số cán bộ cấp xã đạt chuẩn về chuyên môn, nghiệp vụ	Người		
5.3	Tổng số công chức cấp xã	Người		
5.4	Số công chức cấp xã đạt chuẩn về chuyên môn, nghiệp vụ	Người		

**BIỂU THỐNG KÊ SỐ LIỆU BÁO CÁO LĨNH VỰC CẢI CÁCH TÀI CHÍNH CÔNG**

**Biểu V**

*(Áp dụng cho Phòng Tài chính - Kế hoạch)*

*(Kèm theo Công văn số: /UBND-NV ngày tháng 5 năm 2022 của Ủy ban nhân dân huyện Chi Lăng)*

STT	Chỉ tiêu thống kê	Kết quả thống kê		Ghi chú
	<i>(Sử dụng trong kỳ báo cáo hàng quý, 6 tháng, năm)</i>	Đơn vị tính	Số liệu	
<b>I</b>	<b>CÔNG TÁC CHỈ ĐẠO, ĐIỀU HÀNH</b>			
<b>1</b>	<b>Số văn bản chỉ đạo liên quan đến Cải cách tài chính công</b>			
1.1	Văn bản tham mưu cho UBND huyện ban hành	Văn bản		
1.2	Văn bản do cơ quan ban hành	Văn bản		
<b>2</b>	<b>Tỷ lệ hoàn thành Kế hoạch cải cách hành chính huyện năm 2022 (Lũy kế đến thời điểm báo cáo)</b>	<b>%</b>		
2.1	Số nhiệm vụ đề ra trong kế hoạch	Nhiệm vụ		
2.2	Số nhiệm vụ đã hoàn thành	Nhiệm vụ		
<b>II</b>	<b>CẢI CÁCH TÀI CHÍNH CÔNG</b>			
<b>1</b>	<b>Tỷ lệ thực hiện Kế hoạch giải ngân vốn đầu tư công</b>	<b>%</b>		
1.1	Kế hoạch được giao	Triệu đồng		
1.2	Đã thực hiện	Triệu đồng		
<b>2</b>	<b>Thực hiện tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp (ĐVSN). (lũy kế đến thời điểm báo cáo)</b>			
2.1	Tổng số ĐVSN công lập trực thuộc	Đơn vị		
2.2	Số ĐVSN tự bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư	Đơn vị		
2.3	Số ĐVSN tự bảo đảm chi thường xuyên	Đơn vị		
2.4	Số ĐVSN tự bảo đảm một phần chi thường xuyên	Đơn vị		
2.4.1	<i>Số ĐVSN tự bảo đảm từ 70% - dưới 100% chi thường xuyên</i>	<i>Đơn vị</i>		
2.4.2	<i>Số ĐVSN tự bảo đảm từ 30% - dưới 70% chi thường xuyên</i>	<i>Đơn vị</i>		
2.4.3	<i>Số ĐVSN tự bảo đảm từ 10% - dưới 30% chi thường xuyên</i>	<i>Đơn vị</i>		
2.5	Số ĐVSN do Nhà nước bảo đảm chi thường xuyên	Đơn vị		
2.6	Số lượng ĐVSN đã chuyển đổi thành công ty cổ phần (lũy kế đến thời điểm báo cáo)	Đơn vị		

**Biểu VI****BIỂU THỐNG KÊ SỐ LIỆU BÁO CÁO LĨNH VỰC XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN CHÍNH QUYỀN ĐIỆN TỬ, CHÍNH QUYỀN SỐ****(Áp dụng cho Phòng Văn hóa và Thông tin)***(Kèm theo Công văn số: /UBND-NV ngày tháng 5 năm 2022 của Ủy ban nhân dân huyện Chi Lăng)*

STT	Chỉ tiêu thống kê <i>(Sử dụng trong kỳ báo cáo hàng quý, 6 tháng, năm)</i>	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu	
<b>I</b>	<b>CÔNG TÁC CHỈ ĐẠO, ĐIỀU HÀNH</b>	Văn bản		
<b>1</b>	<b>Số văn bản chỉ đạo liên quan đến xây dựng chính quyền điện tử, chính quyền số được ban hành</b>			
1.1	Văn bản tham mưu cho UBND huyện ban hành			
1.2	Văn bản do cơ quan ban hành			
<b>2</b>	<b>Tỷ lệ hoàn thành Kế hoạch cải cách hành chính huyện năm 2022 (Lũy kế đến thời điểm báo cáo)</b>	%		
2.1	Số nhiệm vụ đề ra trong kế hoạch	Nhiệm vụ		
2.2	Số nhiệm vụ đã hoàn thành	Nhiệm vụ		
<b>3</b>	<b>Tuyên truyền về cải cách hành chính trên địa bàn huyện</b>			
3.1	Tuyên truyền trên đài, loa phát thanh	lượt		
3.2	Trên trang thông tin điện tử, facebook, zalo...	lượt		
<b>II</b>	<b>XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN CHÍNH QUYỀN ĐIỆN TỬ, CHÍNH QUYỀN SỐ</b>			
1	Tỷ lệ sử dụng văn bản điện tử <i>(chỉ thống kê tỷ lệ văn bản được gửi dưới dạng điện tử; sử dụng chữ ký số, chứng thư số và gửi trên môi trường điện tử)</i>			
2	Tỷ lệ sử dụng văn bản điện tử của UBND cấp huyện			
3	Tỷ lệ sử dụng văn bản điện tử của UBND cấp xã			